

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Tăng và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V); địa chỉ: Tòa nhà S, Số A, phường S, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H - Chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ Trực tiếp và Xử lý nợ Vùng.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị H - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2025); có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Phạm Hồng S, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố số X, phường T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2003; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q (V) trình bày:

Anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q với tổng số tiền là: 495.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng) theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 103312125.23 ký ngày 16/10/2023, chi tiết như sau:

Số tiền vay: 495.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng);

Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô MAZDA 3 1 5 Luxury theo HĐMB xe số M215/2023 ngày 01/9/2023 giữa Công ty TNHH MTV và ông Phạm Hồng S. Mục đích: Tiêu dùng;

Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 16/10/2031.

Lãi suất vay: 9.00%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: 15.00%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4.10%/năm. Thông tin về lãi suất cơ sở tại từng thời kỳ được thông báo công khai trên Website của V và/hoặc theo hình thức thông báo khác do V quyết định theo từng thời kỳ.

Trả nợ gốc: Hoàn trả Khoản Vay gốc: Hàng tháng vào ngày 30, từ ngày 30/11/2023 đến ngày 30/9/2031 với số tiền là 5.156.000 VNĐ, dư nợ gốc còn lại trả hết vào cuối kỳ.

Trả nợ lãi: Hoàn trả lãi: Hàng tháng, vào ngày 30.

Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ.

- Đề nghị phát hành Thẻ ngày 28/9/2023, chi tiết như sau:

Chủ thẻ: Phạm Hồng S

Số tài khoản thẻ: 00000*****929

Hạn mức: 49.000.000 đồng

- Đề nghị phát hành Thẻ ngày 28/9/2023, chi tiết như sau:

Chủ thẻ: Phạm Hồng S

Số tài khoản thẻ: 00000*****928

Hạn mức: 49.000.000 đồng

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Xe ô tô nhãn hiệu: Mazda, số loại: 3, biển kiểm soát: 90A-237xx, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90 001257 do Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/10/2023, theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 0015001.23 ký ngày 16/10/2023.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Ngày 16/10/2023, V đã giải ngân cho anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M với số tiền 495.000.000 đồng, theo Đơn

đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 103425483.23 ngày 16/10/2023 theo đúng yêu cầu của anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M và phù hợp với quy định tại HĐTD.

Ngày 28/9/2023, V đã giải ngân cho anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M 02 thẻ tín dụng với hạn mức 24.000.000 đồng và 25.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M và phù hợp với quy định tại Đề nghị phát hành Thẻ ngày 28/9/2023.

Trong thời gian thực hiện HĐTD, anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến thời điểm 26/9/2025, anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M chỉ trả được 76.848.406 đồng (trong đó: gốc là 46.253.000 đồng; lãi trong hạn là: 30.576.304 đồng, lãi quá hạn là: 19.102 đồng).

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, V đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M trả nợ cho V nhưng anh, chị đều vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V.

Nay V đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M phải trả cho V số tiền tính đến ngày 26/9/2025 tổng là: 667.798.340 đồng. Cụ thể: Khoản vay là 554.024.839 đồng, trong đó nợ gốc là: 448.747.000 đồng, lãi trong hạn là: 17.995.727 đồng, lãi quá hạn là: 87.282.112 đồng. Khoản thẻ là 113.773.501 đồng, trong đó gốc là 48.713.592 đồng, lãi là 21.198.080, phí là: 43.861.829 đồng.

2. Buộc anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M phải tiếp tục trả cho V các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký đến ngày anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M trả hết nợ cho V.

3. Trong trường hợp anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với V, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là: Xe ô tô nhãn hiệu: Mazda, số loại: 3, biển kiểm soát: 90A-237xx, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90 001257 do Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/10/2023, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0015001.23 ký ngày 16/10/2023.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho V.

Tại Bản tự khai đề ngày 18/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Hồng S trình bày: Ngày 10/6/2023, anh và vợ anh là Nguyễn Thị

Trà M (vợ chồng anh đã ly hôn ngày 03/6/2024) có ký với Ngân hàng TMCP Q hợp đồng tín dụng số 103312125.23 để vay số tiền 495.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay là để mua xe ô tô MAZDA 3 1 5 Luxury, lãi suất theo hợp đồng. Để đảm bảo cho khoản vay thì vợ chồng anh đã thế chấp cho ngân hàng chiếc xe ô tô nêu trên có biển số 90A-237xx mang tên anh. Ngoài ra, ngân hàng còn phát hành cho anh 02 thẻ tín dụng với tổng số tiền gốc là 49.000.000 đồng đúng như ngân hàng đã trình bày. Anh không nhớ từ khi vay đến nay anh và chị M đã trả được cụ thể bao nhiêu tiền gốc và lãi. Đối với chiếc xe ô tô biển số 90A-237xx hiện nay anh không quản lý, sử dụng nên anh không biết xe đang ở đâu, do ai quản lý. Nay anh S nhất trí với số tiền nợ gốc và lãi mà ngân hàng yêu cầu anh và chị M phải trả, tuy nhiên anh xác định do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh xin trả gốc dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng, còn tiền lãi thì anh xin không phải trả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương phường T, tỉnh Ninh Bình tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại MAZDA 3, biển số 90A-237xx. Tuy nhiên, anh Phạm Hồng S xác định hiện tại anh không quản lý chiếc xe nên anh không biết chiếc xe hiện đang ở đâu, vì vậy việc xem xét, thẩm định tại chỗ không thực hiện được.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án và phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh S chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị M không chấp hành quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 7 Điều 323 và các Điều 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M phải thanh toán trả Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 26/9/2025 theo hợp đồng tín dụng số 103312125.23 là: 554.024.839 đồng (nợ gốc là: 448.747.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 17.995.727 đồng, nợ lãi quá hạn

là: 87.282.112 đồng). Nợ thẻ tín dụng là: 113.773.501 đồng (nợ gốc là: 48.713.592 đồng, nợ lãi: 21.198.080 đồng, nợ phí là: 43.816.829 đồng). Tổng là: 667.798.340 đồng (mỗi người phải trả là: 333. 899.170 đồng).

2. Kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành án xong anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: Mazda 3, biển kiểm soát: 90A-237xx, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90 001257 do Phòng cảnh sát giao thông Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/10/2023 mang tên ông Phạm Hồng S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu 30.712.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người phải nộp là 15.356.000 đồng). Trả lại cho Ngân hàng V **13.908.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thị xã Kim Bảng theo biên lai số 0002356 ngày 08/5/2025.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M hiện cư trú tại phường B và phường P, thị xã K, tỉnh Hà Nam (cũ) nay là phường T, tỉnh Ninh Bình; Căn cứ quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng (cũ) nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

Bị đơn là anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Xem xét Hợp đồng tín dụng số 103312125.23, Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 16/10/2023 và văn bản tín dụng đã ký kết giữa

Ngân hàng V với anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M thấy rằng: Khi giao kết hợp đồng, các bên đều tự nguyện, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với nhu cầu của mỗi bên, phù hợp với quy định tại các điều 116, 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hợp đồng tín dụng số 103312125.23, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/10/2023, văn bản tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng V với anh S, chị M đều hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng và theo khế ước nhận nợ: Ngày 16/10/2023, Ngân hàng V đã giải ngân cho anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M vay số tiền là 495.000.000 đồng để phục vụ mục đích tiêu dùng mua xe ô tô MAZDA 3 1 5 Luxury; ngày 28/9/2023 Ngân hàng V đã giải ngân cho anh S, chị M vay bằng hình thức phát hành thẻ tín dụng số tiền 49.000.000 đồng. Sau đó, anh S, chị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V tiền nợ gốc, tiền lãi như các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng, Khế ước nhận nợ.

Như vậy, anh S, chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, tiền lãi các bên đã ký kết trong hợp đồng. Ngày 30/7/2024, Ngân hàng V chuyển toàn bộ khoản nợ của anh S, chị M sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký.

Việc Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu anh S, chị M trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2025 số tiền 667.798.340 đồng gồm: Khoản vay là 554.024.839 đồng, trong đó nợ gốc là: 448.747.000 đồng, lãi trong hạn là: 17.995.727 đồng, lãi quá hạn là: 87.282.112 đồng. Khoản thẻ là 113.773.501 đồng, trong đó gốc là 48.713.592 đồng, lãi là 21.198.080, phí là: 43.861.829 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi anh S, chị M thanh toán xong khoản nợ. Nếu anh S, chị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng V được quyền tự mình hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho V là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặc dù anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 16/2024/QĐCNTTTLH ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Song, toàn bộ các khoản vay trên anh chị đều vay trong thời kỳ hôn nhân với mục đích tiêu dùng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, cần buộc anh S và chị M mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V là hoàn toàn phù hợp với các Điều 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình. Cụ thể, anh S và chị M mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho V số tiền là 667.798.340 đồng : 2 = 333.899.170 đồng.

[3] Xét yêu cầu của V về việc xử lý tài sản anh S và chị M đã thế chấp để đảm bảo việc thanh toán trả nợ thấy: Để đảm bảo việc thanh toán khoản nợ vay, anh S và chị M đã thế chấp tài sản của vợ chồng là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: Mazda, số loại: 3, biển kiểm soát: 90A-237xx, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90 001257 do Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/10/2023 đứng tên chủ xe là anh Phạm Hồng S, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0015001.23 ký ngày 16/10/2023. Do hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện, hình thức và nội dung tuân thủ các quy định của pháp luật, mục đích là để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ đã vay nên hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bị đơn đã thế chấp để bảo đảm cho việc thanh toán khoản nợ đã vay khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của V trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên anh S và chị M phải có nghĩa vụ trả nợ hết cho Ngân hàng và Ngân hàng có quyền tự mình hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh chị để thu hồi nợ đến khi nghĩa vụ trả nợ được thực hiện xong, thấy: Việc đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ được các bên thỏa thuận thực hiện rất rõ trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải. Các bên đều cam kết thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ theo hợp đồng và việc cam kết đó không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp tạm ứng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã thanh toán xong với Tòa án. Nay, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, cụ thể như sau: $667.798.340 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \text{ của phần giá trị tranh chấp vượt quá } 400.000.000 \text{ đồng}$ là $667.798.340 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng} = 267.798.340 \text{ đồng} \times 4\% = 10.711.933 \text{ đồng}$ (làm tròn số thành 10.712.000 đồng). Như vậy, anh S, chị M phải chịu tiền án phí là $20.000.000 \text{ đồng} + 10.712.000 \text{ đồng} = 30.712.000 \text{ đồng}$, chia phần anh S, chị M mỗi người phải chịu tiền án phí là $30.712.000 : 2 = 15.356.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 95, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 292, 293, 295, 299, 317,

318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 357, 385, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 306 Luật thương mại 2005; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 5, 6 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Q (V) đối với anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M.

2. Buộc anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 667.798.340đ (sáu trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng) gồm: Khoản vay là 554.024.839 đồng, trong đó nợ gốc là: 448.747.000 đồng, lãi trong hạn là: 17.995.727 đồng, lãi quá hạn là: 87.282.112 đồng. Khoản thẻ là 113.773.501 đồng, trong đó gốc là 48.713.592 đồng, lãi là 21.198.080, phí là: 43.861.829 đồng. Chia phần, anh S và chị M mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho VIB số tiền là 333.899.170đ (ba trăm ba mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 103312125.23, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ các bên ký ngày 16/10/2023 và văn bản tín dụng mà anh S, chị M đã ký với V nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp anh Phạm Hồng S và chị Nguyễn Thị Trà M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ cho V thì V có quyền tự mình hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu: Mazda, số loại: 3, biển kiểm soát: 90A-237xx, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90 001257 do Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/10/2023 đứng tên chủ xe là anh Phạm Hồng S, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0015001.23 ký ngày 16/10/2023 để thu hồi nợ cho VIB.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì anh S và chị M vẫn phải tiếp tục thanh toán trả các khoản nợ cho đến khi trả hết nợ cho V.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hồng S, chị Nguyễn Thị Trà M mỗi

người phải nộp 15.356.000đ (mười lăm triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.908.000đ (mười ba triệu chín trăm linh tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002356 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

